

THỰC TRẠNG VIỆC LÀM CỦA LAO ĐỘNG NÔNG THÔN HUYỆN TUYÊN HÓA – TỈNH QUẢNG BÌNH GIAI ĐOẠN 2008 – 2010

GVHD: ThS. Trần Thị Thu Thủy

SVTH: Trần Thị Huyền

Lê Thị Thùy Dương

ĐH Kế toán, Khóa 52

Tóm tắt: Trong công cuộc đổi mới đất nước, nền kinh tế nước ta có bước phát triển, tăng trưởng đáng mừng, đời sống vật chất và tinh thần của nông dân được cải thiện. Song dưới tác động của cơ chế thị trường và chính sách kinh tế mới đến tình hình kinh tế, hiện tượng xã hội ngày càng phức tạp, mang tính hai mặt. Một trong những vấn đề được Đảng và Nhà nước ta quan tâm nhiều là giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Qua kết quả tìm hiểu, phân tích, đánh giá “Thực trạng việc làm của lao động nông thôn huyện Tuyên Hóa – tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2008 - 2010” cho thấy, lực lượng lao động nông thôn của huyện dồi dào nhưng chủ yếu là lao động có trình độ thấp và tập trung ở lĩnh vực nông - lâm – ngư nghiệp. Ngoài ra, huyện còn phải giải bài toán khó là tạo công ăn việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm giảm tình trạng thất nghiệp, bán thất nghiệp và hạn chế tối thiểu quỹ thời gian nhàn rỗi, tăng thu nhập cho người lao động.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Huyện Tuyên Hoá là một huyện miền núi nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Quảng Bình. Diện tích tự nhiên khoảng 1.149 km², dân số khoảng 77 nghìn người, mật độ trung bình là 67 người/km², số người trong độ tuổi lao động khoảng hơn 44 nghìn người. Trong những năm qua, huyện đã từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Huyện có nhiều điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội thuận lợi cùng với lực lượng lao động dồi dào. Các nguồn nhân lực, vật lực được huyện khai thác và sử dụng để phát triển kinh tế một cách có hiệu quả nhằm nâng cao thu nhập cho người lao động. Tuy nhiên, đời sống nhân dân của huyện vẫn còn rất khó khăn, tình trạng thiếu việc làm đang ở mức cao, trình độ lao động còn hạn chế, nguồn lực lao động và các tiềm năng khác của huyện còn dồi dào nhưng chưa khai thác hết. Vì vậy, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn huyện Tuyên Hóa là một vấn đề hết sức quan trọng, cấp bách trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Nghiên cứu “Thực trạng việc làm của lao động nông thôn huyện Tuyên Hóa – tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2008 - 2010” nhằm phân tích đánh giá đúng thực trạng việc làm và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, từ đó đưa ra các giải pháp chủ yếu nhằm giải quyết việc làm cho lao động nông thôn huyện Tuyên Hóa giai đoạn hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu và kết quả thảo luận

2.1. Thực trạng về lực lượng lao động nông thôn huyện Tuyên Hóa – tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2008 – 2010

* Về số lượng lao động

Lực lượng lao động của huyện qua các năm có sự biến động theo chiều hướng tăng, điều này do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau. Dân số tăng và các nguyên nhân khác. Để hiểu rõ hơn ta xem ở bảng sau:

Bảng 1: Số lao động nông đang làm việc trong các ngành kinh tế của huyện Tuyên Hóa từ năm 2008-2010

ĐVT: Nghìn người

| Năm Lao động | 2008 | 2009 | 2010 | So sánh | | | |
|-----------------|-------|-------|-------|-----------|------|-----------|-----|
| | | | | 2009/2008 | | 2010/2009 | |
| | | | | +/- | % | +/- | % |
| Quảng Bình | 423,0 | 452,0 | 454,0 | 29,0 | 6,9 | 2,0 | 0,4 |
| Tuyên Hóa | 40,1 | 44,4 | 44,6 | 4,3 | 10,7 | 0,2 | 0,5 |

Nguồn: Phòng thống kê huyện Tuyên Hóa.

Qua bảng 1, ta thấy số lao động của tỉnh Quảng Bình năm 2009 là 452 nghìn người, tăng 29 nghìn người, tương ứng 6,9 % so với năm 2008. Đến năm 2010, số lao động tăng thêm 2 nghìn người, ứng với 0,4 % so với năm 2009. Riêng đối với huyện Tuyên Hóa, số lao động năm 2009 là 44,4 nghìn người, tăng 4,3 nghìn người, tương ứng với 10,7 % so với năm 2008. Đến năm 2010, số lao động của huyện tăng thêm 0,2 nghìn người, tương ứng với 0,5 % so với năm 2009. Do biến động chung gia tăng dân số của huyện, tỉnh, cũng như cả nước, đồng thời số người bước vào độ tuổi lao động cũng tăng lên là nguyên nhân chính làm tăng số lượng lao động của huyện và tỉnh trong thời gian qua.

* Về chất lượng lao động

Bảng 2: Trình độ học vấn của huyện năm 2008-2010

ĐVT: Nghìn người

| Trình độ \ Năm | 2008 | 2009 | 2010 | So sánh | | | |
|----------------|------|------|------|-----------|------|-----------|------|
| | | | | 2009/2008 | | 2010/2009 | |
| | | | | +/- | % | +/- | % |
| Trung học CS | 1,9 | 1,7 | 2,0 | - 0,2 | 10,5 | + 0,3 | 17,6 |
| Trung học PT | 0,9 | 1,0 | 1,6 | + 0,1 | 11,1 | + 0,6 | 60,0 |
| Trung cấp | 0,22 | 0,28 | 0,33 | + 0,04 | 18,2 | + 0,05 | 17,9 |
| Cao đẳng | 0,37 | 0,43 | 0,51 | + 0,06 | 16,2 | +0,08 | 18,6 |
| ĐH và sau ĐH | 0,36 | 0,42 | 0,50 | + 0,06 | 16,7 | + 0,08 | 19,0 |

Nguồn: Phòng thống kê huyện

Qua bảng trên cho thấy, trình độ học vấn của lao động nông thôn huyện Tuyên Hóa những năm gần đây có tăng lên theo chiều hướng tích cực thể hiện:

- Về số người có trình độ văn hóa ở bậc trung học cơ sở và trung học phổ thông, năm 2008, 2009, 2010 biến động qua các năm, trong đó năm 2010 có xu hướng tăng cao, đây là xu hướng tất yếu về nhu cầu giáo dục hiện nay.

- Về số người có trình độ chuyên môn trung cấp chuyên nghiệp và cao đẳng tăng qua 3 năm, năm 2009 tăng 18,2% so với 2008 và tăng 17,9% của năm 2010 so với năm 2009 về trình độ trung cấp. Số người có trình độ cao đẳng 2009 tăng 0,08% so với 2008 và tăng 18,6% của năm 2010 so với năm 2009.

- Về số người đã tốt nghiệp đại học và sau đại học cũng tăng lên đáng kể qua các năm từ 16% - 19%. Đây là một con số không nhỏ về số lao động có trình độ chuyên môn cao, nhu cầu giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nguồn lao động đã được huyện đưa vào định hướng và chính sách phát triển. Đặc biệt đối với lĩnh vực giáo dục, nâng cao chất lượng lao động là một yêu cầu cần thiết.

Điều đó cho thấy được trình độ học vấn của lao động ở đây được nâng cao hơn trước, phần nào đáp ứng được nguồn lao động cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước. Tuy nhiên chất lượng giáo dục, tỷ lệ lao động có trình độ cao còn thấp, trình độ học vấn đang ở mức trung bình và khá.

2.2. Thực trạng sử dụng nguồn lao động nông thôn huyện Tuyên Hóa

2.2.1. Thực trạng phân bổ nguồn lao động nông thôn

Theo số liệu điều tra cho thấy, năm 2008, cơ cấu lao động là nông lâm ngư nghiệp 80,28%, công nghiệp và xây dựng là 7,28%, dịch vụ 12,44%. Nhưng 2010 tỷ lệ trên tương ứng là 74,96%; 9,7%; 15,34%. Như vậy sau 3 năm cơ cấu lao động nông thôn chuyển dịch theo xu hướng tăng tỷ trọng lao động phi nông nghiệp giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp, tuy nhiên xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động diễn ra chậm và kết quả đạt được còn thấp. Ta có thể theo dõi số liệu điều tra ta có biểu đồ sau:



Biểu đồ 2: Biểu đồ thể hiện cơ cấu lao động theo các ngành kinh tế (Đvt:%)

2.2.2. Thực trạng sử dụng thời gian lao động

Đứng trên góc độ xem xét thời gian sử dụng lao động ở khu vực nông thôn nói chung và huyện Tuyên Hóa nói riêng, chúng ta cũng thấy một lượng thời gian khá lớn chưa được sử dụng. Các cuộc điều tra cho thấy, chỉ có 18% lao động làm việc 210 ngày/ năm, còn lại làm việc dưới 200 ngày công/ năm, trong đó có 21% chỉ làm 90 ngày/ năm, bình quân làm 4 - 5 giờ/ ngày. Tính chung ở Tuyên Hóa khoảng 30 - 40% thời gian còn nhàn rỗi chưa được sử dụng vào sản xuất.

2.2.3. Tình hình lao động và việc làm

Tình hình lao động và việc làm ở nông thôn huyện Tuyên Hóa qua 3 năm có sự biến động tăng giảm nhẹ, đặc biệt là lượng lao động có việc làm và lượng lao động thất nghiệp có sự thay đổi qua ba năm ở bảng sau:

Bảng 4: Tình hình lao động của huyện Tuyên Hóa từ năm 2008 – 2010

ĐVT: nghìn người

| Lao động | Năm | 2008 | 2009 | 2010 | So sánh | | | |
|-------------------|-----|------|------|------|-----------|------|-----------|------|
| | | | | | 2009/2008 | | 2010/2009 | |
| | | | | | +/- | % | +/- | % |
| Tổng LĐ toàn tỉnh | | 423 | 452 | 454 | 29 | 6,9 | 2,0 | 0,4 |
| Tổng LĐ của huyện | | 40,1 | 44,4 | 44,6 | 4,3 | 10,7 | 0,2 | 0,5 |
| LĐ có việc làm | | 34,7 | 37,8 | 39,4 | 3,1 | 8,9 | 1,6 | 4,2 |
| Bán TN | | 3,6 | 4,4 | 3,5 | 0,8 | 22,2 | 0,9 | 20,5 |
| Thất nghiệp | | 1,8 | 2,2 | 1,7 | 0,4 | 11,1 | 0,5 | 22,7 |

Nguồn: Sở LĐTB XH, Phòng thống kê huyện.

Cùng với sự tăng dân số và lao động của toàn tỉnh, lao động huyện Tuyên Hóa tăng lên qua 3 năm. Điều này do sự tác động của nhiều yếu tố, trong đó sự gia tăng dân số là chủ yếu và độ tuổi dân số đến tuổi lao động tăng.

Lao động có việc làm của huyện tăng lên qua các năm do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu, huyện đã tạo việc làm cho nguồn lao động nhờ sự hình thành các nhà máy sản xuất, nguồn lao động được đào tạo phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn. Ngoài sự gia tăng dân số thì một lượng lao động bán thất nghiệp và thất nghiệp được giải quyết việc làm cũng làm cho lượng lao động có việc làm tăng lên đáng kể 8,9% năm 2009 và 4,2% năm 2010.

Song song với sự gia tăng về lao động có việc làm thì lao động bán thất nghiệp và thất nghiệp giảm xuống từ 11% – 22%. Đây là một xu hướng tích cực trong việc thực hiện chính sách ổn định kinh tế xã hội của huyện nhà.

Xét theo cơ cấu ngành kinh tế số lượng và tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực nông thôn được phân bố như sau: ngành sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp có 37.961 người, chiếm 85,06%; ngành thủy sản có 642 người, chiếm 1,44%; ngành công nghiệp – xây dựng có 4.302 người, chiếm 9,64%; ngành dịch vụ có 1.722 người, chiếm 3,86%. Như vậy, số người thiếu việc làm ở khu vực nông thôn chủ yếu vẫn nằm ở khu vực nông nghiệp.

2.3. Thực trạng công tác đào tạo nghề và các kết quả đạt được trong thời gian 2008 – 2010

Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Tuyên Hóa có những chuyển biến và đổi mới mang tính thực tiễn cao. Ngành nghề đào tạo phong phú phù hợp với nhu cầu việc làm và thị trường lao động, xu hướng đào tạo nghề đối với ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và cơ khí tăng lên. Đồng thời giảm tỷ trọng đào tạo nghề thuộc lĩnh vực nông lâm ngư.

Bảng 5: Số lao động được đào tạo ở một số ngành qua 3 năm 2008 – 2010

ĐVT: nghìn người

| Chỉ tiêu | | Năm 2008 | | Năm 2009 | | Năm 2010 | |
|--|---|----------|------|----------|------|----------|------|
| | | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % |
| Số lao động được đào tạo ở một số lĩnh vực | Tổng cộng | 2,7 | 100 | 3,4 | 100 | 4,2 | 100 |
| | Khuyến nông – khuyến lâm – khuyến ngư | 1,6 | 59,3 | 1,9 | 55,9 | 2,2 | 52,4 |
| | Cơ khí, điện dân dụng | 0,4 | 14,8 | 0,6 | 17,6 | 0,7 | 16,7 |
| | Sản xuất và chế biến | 0,5 | 18,5 | 0,7 | 20,6 | 0,9 | 21,4 |
| | Tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề khác | 0,2 | 7,4 | 0,2 | 5,9 | 0,4 | 9,5 |

Nguồn: Phòng thống kê huyện

Qua bảng 5 ta thấy, số lượng lao động được đào tạo ngày càng tăng. Số lao động được đào tạo năm 2008 là 2,7 nghìn người, năm 2009 là 3,4 nghìn người, tăng 25,9% so với năm 2008. Đến năm 2010, con số này tăng lên là 4,2 nghìn người, tức tăng 23,5% so với năm 2009. Trong đó, lao động được đào tạo chủ yếu trong lĩnh vực khuyến nông – khuyến lâm – khuyến ngư, năm 2008 số lao động được đào tạo trong lĩnh vực này là 1,6 nghìn người, chiếm 59,3% trong tổng số lao động được đào tạo, và tỷ lệ này giảm dần qua các năm: năm 2009, 2010 lần lượt là 55,9% và 52,4%. Thay vào đó, số lao động được đào tạo ngày càng tăng tập trung chủ yếu vào các ngành nghề phi nông nghiệp. Điển hình là sản xuất và chế biến, số lao động trong lĩnh vực này năm 2008 là 0,4 nghìn người, chiếm 18,5% trong tổng số lao động được đào tạo, năm 2009 con số này tăng lên 0,7 nghìn người, chiếm 20,6% tổng số lao động được đào tạo. Đến năm 2010 số lao động được đào tạo trong lĩnh vực này là 0,9 nghìn người, chiếm 21,4% trong tổng số lao động được đào tạo.

Sau khi đào tạo, tỷ lệ có việc làm đạt từ 70% – 80%. Nhiều cá nhân sau khi đào tạo không chỉ đơn thuần là thuần nông hay công nhân trong các ngành nghề phi nông nghiệp mà còn là cán bộ cốt cán của chính quyền các cấp xã, huyện.

Bảng 6: Số lao động có việc làm sau đào tạo

DVT: nghìn người

| Năm Ngành nghề | 2008 | 2009 | 2010 | So sánh | | | |
|---------------------------|------|------|------|-----------|------|-----------|------|
| | | | | 2009/2008 | | 2010/2009 | |
| | | | | +/- | % | +/- | % |
| Tổng số | 1,89 | 2,53 | 3,36 | 0,64 | 33,9 | 0,83 | 32,8 |
| Thuần nông | 1,06 | 1,35 | 1,66 | 0,29 | 27,4 | 0,31 | 23,0 |
| Công nhân | 0,70 | 1,02 | 1,5 | 0,32 | 45,7 | 0,48 | 47,1 |
| Cán bộ (xã, huyện) | 0,13 | 0,16 | 0,2 | 0,03 | 23,1 | 0,04 | 25,0 |

Nguồn: Điều tra chọn mẫu, phỏng vấn.

2.4. Thực trạng việc làm lao động nông thôn huyện Tuyên Hóa

+ Đào tạo nghề đã nâng cao trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn cho lao động, tăng năng suất lao động, thúc đẩy phát triển kinh tế của huyện.

+ Giải quyết việc làm, giảm tình trạng thất nghiệp và nâng cao mức sống cho người dân, tạo ra mức thu nhập ổn định cho người lao động góp phần giảm bớt sự chênh lệch về thu nhập giữa lao động nông thôn và lao động thành thị.

+ Làm giảm lao động dư thừa và thời gian nhàn rỗi, đồng thời từng bước nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả lao động.

+ Thông qua việc giải quyết việc làm ở huyện góp phần đa dạng hóa ngành nghề, mở rộng các cơ sở sản xuất.

+ Thiếu việc làm và năng suất lao động thấp là thách thức lớn đối với khu vực nông thôn.

+ Chất lượng lao động khu vực nông thôn còn nhiều hạn chế.

+ Vấn đề di cư, thu hút đầu tư cho khu vực nông nghiệp, nông thôn của huyện còn nhiều hạn chế khiến cho vấn đề giải quyết việc làm gặp nhiều khó khăn.

+ Chính sách chưa phù hợp, môi trường chưa thông thoáng để tạo việc làm cho lao động của huyện.

3. KẾT LUẬN

Qua quá trình tìm hiểu, phân tích thực trạng việc làm của lao động nông thôn huyện Tuyên Hóa ở các khía cạnh là: thực trạng về lực lượng lao động nông thôn huyện Tuyên Hóa, thực trạng sử dụng nguồn lao động, thực trạng công tác đào tạo nghề và các kết quả đạt được trong thời gian qua cho thấy: bên cạnh những kết quả đạt được về chất lượng lao động, việc làm cho lao động tăng lên nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu việc làm của lao động nông thôn huyện Tuyên Hóa, lượng lao động dư thừa, số lao động thất nghiệp và bán thất nghiệp còn chiếm tỷ lệ còn cao.

Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn đang là một trong những vấn đề cấp thiết hiện nay cần được tháo gỡ, nó đặc biệt quan trọng đối với các huyện còn nghèo như huyện Tuyên Hóa nhằm giảm bớt sức ép về việc làm cho người lao động nông thôn và nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng các nguồn lực, tạo ra một sự chuyển biến sâu sắc về vấn đề việc làm cho lao động nông thôn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống cho nhân dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Trúc Huân, *Kinh tế phát triển*, NXB Thống kê, năm 2006.
 - [2]. Nguyễn Xuân Khoát, *Lao động, việc làm và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn Việt Nam*, NXB Đại học Huế, năm 2005.
 - [3]. Nguyễn Văn Ngọc, *Bài giảng kinh tế vĩ mô*, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, năm 2007.
 - [4]. Nguyễn Văn Trung, *Phát triển nguồn nhân lực trẻ ở nông thôn để CNH-HĐH nông thôn nước ta*, NXB Chính trị Quốc Gia, năm 1997.
 - [5]. Phòng thống kê huyện Tuyên Hóa, *Niên giám thống kê*, năm 2010.
 - [6]. Tài liệu khoa kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn, *Nông nghiệp Việt Nam bước vào thế kỷ XXI*, 2007.
 - [7]. Tạp chí kinh tế và phát triển số 50 -2001.
 - [8]. Tạp chí những vấn đề kinh tế thế giới số 2 (46) 1997.
 - [9]. Tạp chí quản lý nhà nước số 6 – 2000.
- ailieu.vn.

